



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020**



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

3700381324

ngày 8 tháng 8 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324 ngày 12 tháng 6 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Trần Quốc Trí
Ông Lý Văn Xuân
Ông Nguyễn Văn Luân
Ông Đinh Viết Duy

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Quốc Trí
Ông Hoàng Đức Huy
Ông Vũ Văn Thanh
Ông Nguyễn Minh Khoa

Ông Hồ Thanh Hiếu
Ông Trần Quốc Phẩm
Ông Nguyễn Ngọc Huy
Ông Trần Thành Nam

Ông Nguyễn Tấn Hòa

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 14 tháng 8 năm 2020)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Quyền Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 1 năm 2020)
Quyền Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 8 năm 2020)

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Trần Quốc Trí

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 9, Đại lộ Thống Nhất,
Khu Công nghiệp Sóng Thần II,
Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An,
Tỉnh Bình Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 12 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 58.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00180-20-1



Chang Hưng Châu
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2020 VND	1/10/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		10.370.267.877.634	8.353.422.179.749
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	480.196.944.895	222.264.128.540
Tiền	111		479.446.944.895	222.120.606.665
Các khoản tương đương tiền	112		750.000.000	143.521.875
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	75.750.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	15(a)	-	75.750.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.205.820.116.418	5.167.377.333.616
Phải thu của khách hàng	131	6(a)	5.212.742.658.223	4.634.961.613.860
Trả trước cho người bán	132	7	53.025.112.185	60.553.917.594
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	962.629.374.510	480.496.148.586
Dự phòng phải thu khó đòi	137	6(c)	(22.577.028.500)	(8.634.346.424)
Hàng tồn kho	140	9	2.997.049.481.888	2.072.119.656.817
Hàng tồn kho	141		3.021.587.347.164	2.102.406.071.644
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(24.537.865.276)	(30.286.414.827)
Tài sản ngắn hạn khác	150		687.201.334.433	815.911.060.776
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16(a)	103.293.368.807	78.075.432.104
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		583.904.965.626	732.929.606.602
Thuế phải thu Nhà nước	153	20(b)	3.000.000	4.906.022.070

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2020 VND	1/10/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		4.925.206.543.486	5.338.121.471.738
Các khoản phải thu dài hạn	210		394.880.535.357	292.077.985.517
Phải thu về cho vay dài hạn	215	10	212.856.006.357	68.956.017.357
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	182.024.529.000	223.121.968.160
Tài sản cố định	220		1.364.003.049.395	1.725.295.312.625
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.147.463.568.504	1.441.875.639.868
Nguyên giá	222		3.392.265.713.774	3.390.288.246.734
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.244.802.145.270)	(1.948.412.606.866)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	12	18.551.181.042	65.309.125.812
Nguyên giá	225		22.949.448.333	76.397.768.336
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.398.267.291)	(11.088.642.524)
Tài sản cố định vô hình	227	13	197.988.299.849	218.110.546.945
Nguyên giá	228		248.569.747.599	259.599.505.310
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.581.447.750)	(41.488.958.365)
Tài sản dở dang dài hạn	240		5.338.412.183	16.487.785.421
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	5.338.412.183	16.487.785.421
Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.072.965.000.000	3.154.345.000.000
Đầu tư vào công ty con	251	15(b)	3.051.965.000.000	3.138.345.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	15(a)	21.000.000.000	16.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		88.019.546.551	149.915.388.175
Chi phí trả trước dài hạn	261	16(b)	48.265.344.770	128.815.049.868
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	39.754.201.781	21.100.338.307
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		15.295.474.421.120	13.691.543.651.487

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

204
INH
IG T
(P)
PHO

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2020 VND	1/10/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		8.270.877.246.022	7.712.594.884.188
Nợ ngắn hạn	310		8.243.532.836.931	7.662.216.467.599
Phải trả người bán	311	18	2.023.915.668.822	1.370.637.850.790
Người mua trả tiền trước	312	19	188.998.683.777	84.802.615.349
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20(a)	206.566.674.152	61.573.960.649
Phải trả người lao động	314		53.486.276.555	46.039.923.293
Chi phí phải trả	315	21	317.943.257.598	92.362.758.133
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	326.075.538.521	255.621.047.448
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23(a)	5.083.484.041.845	5.706.275.512.506
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	43.062.695.661	44.902.799.431
Nợ dài hạn	330		27.344.409.091	50.378.416.589
Phải trả dài hạn khác	337		709.500.000	709.500.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23(b)	17.017.564.425	47.195.880.089
Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	9.617.344.666	2.473.036.500
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		7.024.597.175.098	5.978.948.767.299
Vốn chủ sở hữu	410	26	7.024.597.175.098	5.978.948.767.299
Vốn cổ phần	411	27	4.446.252.130.000	4.234.694.890.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.446.252.130.000	4.234.694.890.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		151.583.183.521	151.583.183.521
Cổ phiếu quỹ	415		(3.271.000.000)	(2.459.000.000)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		35.535.781.824	55.626.670.135
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.394.497.079.753	1.539.503.023.643
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.318.911.980.318	928.395.663.920
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.075.585.099.435	611.107.359.723
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		15.295.474.421.120	13.691.543.651.487

Ngày 24 tháng 12 năm 2020

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
			30/9/2020 VND	30/9/2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	45.103.812.699.734	44.795.852.916.502
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	150.953.669.705	25.815.045.304
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	44.952.859.030.029	44.770.037.871.198
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	30	42.130.019.773.392	42.509.205.331.768
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		2.822.839.256.637	2.260.832.539.430
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	882.731.990.749	400.189.675.049
Chi phí tài chính	22	32	372.603.906.385	439.093.531.704
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		277.498.364.219	399.146.337.196
Chi phí bán hàng	25	33	1.838.841.569.984	1.452.918.463.175
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	268.160.558.053	311.821.718.805
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.225.965.212.964	457.188.500.795
Thu nhập khác	31	35	19.875.796.975	245.868.531.680
Chi phí khác	32	36	16.683.262.011	4.540.253.461
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.192.534.964	241.328.278.219
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.229.157.747.928	698.516.779.014
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	172.226.511.967	86.459.077.071
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	38	(18.653.863.474)	950.342.220
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.075.585.099.435	611.107.359.723

Ngày 24 tháng 12 năm 2020

Người lập


Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt


Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng


Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 30/9/2020 VND	30/9/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		1.229.157.747.928	698.516.779.014
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		345.980.466.978	351.886.248.928
Các khoản dự phòng	03		8.194.132.525	960.049.390
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		7.983.777.905	1.468.280.700
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(789.158.399.428)	(488.127.106.820)
Chi phí lãi vay	06		277.498.364.219	399.146.337.196
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.079.656.090.127	963.850.588.408
Biến động các khoản phải thu	09		(376.215.302.995)	2.571.484.034.504
Biến động hàng tồn kho	10		(922.226.907.987)	(295.933.168.355)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		1.502.784.567.628	517.210.365.393
Biến động chi phí trả trước	12		60.193.117.360	76.955.554.774
			1.344.191.564.133	3.833.567.374.724
Tiền lãi vay đã trả	14		(277.754.143.955)	(405.309.711.905)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(110.417.388.642)	(65.569.893.516)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(30.964.795.406)	(13.390.811.230)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		925.055.236.130	3.349.296.958.073
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(21.342.822.954)	(236.953.833.251)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		16.403.189.295	281.379.640.355
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23		(155.899.989.000)	(105.390.000.000)
Tiền thu hồi từ khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	24		82.750.000.000	76.870.387.032
Tiền chi đầu tư vào công ty con	25		(30.500.000.000)	(14.766.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		2.683.257.535	18.018.280.991
Tiền thu từ chuyển nhượng công ty con	26		40.500.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		4.966.948.321	13.147.284.616
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(60.439.416.803)	32.305.759.743

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
			30/9/2020 VND	30/9/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(812.000.000)	(1.116.000.000)
Tiền thu từ đi vay	33		20.593.501.692.686	18.554.179.258.809
Tiền thu từ nợ gốc thuê tài chính thông qua hợp đồng bán và thuê lại tài sản	33		-	16.652.613.833
Tiền trả nợ gốc vay	34		(21.178.118.714.736)	(21.860.836.633.450)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(20.860.716.112)	(36.886.118.070)
Tiền trả cổ tức	36		(22.299.100)	(225.251.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(606.312.037.262)	(3.328.232.130.778)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		258.303.782.065	53.370.587.038
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		222.264.128.540	171.659.888.989
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		(370.965.710)	(2.766.347.487)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	480.196.944.895	222.264.128.540

Ngày 24 tháng 12 năm 2020

Người lập:

Người duyệt:


Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán


Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng


Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “HSG” theo Quyết định Niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 11 năm 2008.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn, và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, Công ty có 10 công ty con và 1 công ty liên kết (1/10/2019: 16 công ty con và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 15(b).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, Công ty có 4.915 nhân viên (1/10/2019: 4.489 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để hiểu tổng quát tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là từ 14 đến 55 năm. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 6 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và mua máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bảng hiệu quảng cáo

Bảng hiệu quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí thuê

Chi phí thuê bao gồm tiền thuê kho trả trước cho việc sử dụng kho trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian trả trước theo hợp đồng thuê từ 2 đến 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí sửa chữa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu giảm giá trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua bán tấm lợp bằng thép, ống thép, vật liệu xây dựng. Hoạt động khác là cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 và ngày 1 tháng 10 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 và ngày 30 tháng 9 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa vào vị trí địa lý của khách hàng như sau:

	Bộ phận chia theo khu vực địa lý		
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng VND
Năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020			
Doanh thu	34.982.290.211.381	9.970.568.818.648	44.952.859.030.029
Giá vốn	(32.656.090.830.938)	(9.473.928.942.454)	(42.130.019.773.392)
	2.326.199.380.443	496.639.876.194	2.822.839.256.637
Năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019			
Doanh thu	36.259.554.008.527	8.510.483.862.671	44.770.037.871.198
Giá vốn	(34.311.894.762.774)	(8.197.310.568.994)	(42.509.205.331.768)
	1.947.659.245.753	313.173.293.677	2.260.832.539.430

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/9/2020 VND	1/10/2019 VND
Tiền mặt	37.746.780.451	42.895.838.820
Tiền gửi ngân hàng	441.692.185.884	177.399.908.259
Tiền đang chuyển	7.978.560	1.824.859.586
Các khoản tương đương tiền (*)	750.000.000	143.521.875
	480.196.944.895	222.264.128.540

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm là từ 3,5% đến 4,0% (1/10/2019: 5,0%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/9/2020 VND	1/10/2019 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	1.422.755.855.210	709.674.610.157
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	649.390.077.771	891.489.275.891
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	609.698.769.472	1.193.849.773.641
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	606.455.682.416	599.279.619.058
Các khách hàng khác	1.924.442.273.354	1.240.668.335.113
	5.212.742.658.223	4.634.961.613.860

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, phải thu của khách hàng có giá trị ghi sổ là 570.000 triệu VND và phải thu phát sinh từ bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu có giá trị 2.300.000 triệu VND (1/10/2019: 570.000 triệu VND phải thu và 2.300.000 triệu VND phải thu phát sinh từ bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 23).

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/9/2020 VND	1/10/2019 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	1.422.755.855.210	709.674.610.157
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	649.390.077.771	891.489.275.891
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	609.698.769.472	1.193.849.773.641
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	606.455.682.416	599.279.619.058
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	314.686.249.805	350.873.130.558
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	36.010.152.572	18.396.882.422
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	-	120.453.182
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	34.749.020	-

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 365 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn cho các công ty con và 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn cho công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	30/9/2020				1/10/2019			
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Nợ quá hạn									
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Thương Mại Xây Dựng Mê Kông	2 – 3 năm	1.648.743.436	(1.648.743.436)	-	1 – 2 năm	1.648.743.436	(1.648.743.436)	-	-
Công ty TNHH Hải Thủy	Trên 1 năm	1.545.000.625	(1.545.000.625)	-	Trên 6 tháng	1.545.000.625	(1.545.000.625)	-	-
Công ty TNHH Thép Xây Dựng Hiệp Loan	Trên 1 năm	1.243.508.106	(1.243.508.106)	-	Trên 6 tháng	1.243.508.106	(1.243.508.106)	-	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Sản Xuất Và Thương Mại Phúc Đức	Trên 6 tháng	1.096.410.095	(1.096.410.095)	-	Trong hạn	1.096.410.095	-	1.096.410.095	-
Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Thái	Trên 1 năm	1.023.359.294	(1.023.359.294)	-	Trên 1 năm	1.023.359.294	(1.023.359.294)	-	-
Công ty Thương Mại, Dịch Vụ Và Xây Dựng Yên Mai (TNHH)	Trên 6 tháng	839.518.227	(839.518.227)	-	-	5.862.857.951	-	5.862.857.951	-
Công ty TNHH Thương Mại & Sản Xuất Toàn Phát HN	6 tháng – 1 năm	1.426.131.048	(1.426.131.048)	-	Trong hạn	592.356.915	-	592.356.915	-
Các khách hàng khác		13.754.357.669	(13.754.357.669)	-	-	3.173.734.963	(3.173.734.963)	-	-
		22.577.028.500	(22.577.028.500)	-			16.185.971.385	(8.634.346.424)	7.551.624.961

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2020 VND	30/9/2019 VND
Số dư đầu năm	8.634.346.424	5.933.191.565
Dự phòng trích lập trong năm	16.809.639.086	4.380.391.733
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(2.866.957.010)	(1.679.236.874)
Số dư cuối năm	22.577.028.500	8.634.346.424

7. Trả trước cho người bán

	30/9/2020 VND	1/10/2019 VND
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	4.995.423.582	8.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	469.909.029	-
<i>Bên thứ ba</i>		
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	21.469.960.714	-
Xí nghiệp Phân phối khí thấp áp Vũng tàu	11.105.788.618	11.239.581.644
Các nhà cung cấp khác	14.984.030.242	41.314.335.950
	53.025.112.185	60.553.917.594

8. Phải thu khác**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	30/9/2020 VND	1/10/2019 VND
Phải thu về lợi nhuận được chia	795.208.077.723	335.992.976.173
Tạm ứng để mua đất	45.462.225.000	45.462.225.000
Tạm ứng cho người lao động	41.550.758.590	42.172.559.060
Phải thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	12.818.775.000	-
Phải thu lãi tiền gửi và cho vay	17.516.531.729	4.138.131.142
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn và đặt cọc thuê mặt bằng	41.728.445.800	47.429.007.100
Phải thu khác	8.344.560.668	5.301.250.111
	962.629.374.510	480.496.148.586

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/9/2020	1/10/2019
	VND	VND
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	514.874.175.062	215.594.389.876
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	232.711.670.069	105.657.512.793
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	35.488.493.426	6.627.350.999
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	15.011.988.771	3.240.016.429
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	12.308.639.166	8.123.622.505
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long	2.504.542.958	898.114.713
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	27.450.000	89.195.500
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	-	923.312.250
Công ty TNHH Một Thành Viên Xi măng Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	-	16.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	-	16.000.000
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	2.059.900.000	1.870.000.000
<i>Nhân sự chủ chốt</i>		
Ông Hoàng Đức Huy - Phó Tổng Giám đốc	45.462.225.000	45.474.025.000

Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/9/2020	1/10/2019
	VND	VND
Đặt cọc thuê mặt bằng	181.758.529.000	222.016.729.000
Phải thu khác	266.000.000	1.105.239.160
	182.024.529.000	223.121.968.160

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Hàng tồn kho**

	30/9/2020		1/10/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.074.363.397.517	-	456.751.932.912	-
Nguyên vật liệu	262.088.540.692	(12.427.170.038)	175.996.261.041	(2.180.301.928)
Công cụ và dụng cụ	160.536.427.953	-	177.042.260.035	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	4.817.698	-
Thành phẩm	683.530.539.971	(10.057.583.911)	750.671.538.786	(21.575.247.989)
Hàng hóa	841.068.441.031	(2.053.111.327)	541.939.261.172	(6.530.864.910)
	3.021.587.347.164	(24.537.865.276)	2.102.406.071.644	(30.286.414.827)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.478.039 triệu VND (1/10/2019: 1.285.431 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 23).

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 có 61.472 triệu VND nguyên vật liệu, 116.340 triệu VND thành phẩm và 42.337 triệu VND hàng hóa (1/10/2019: 95.835 triệu VND nguyên vật liệu, 158.926 triệu VND thành phẩm và 199.911 triệu VND hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2020 VND	30/9/2019 VND
Số dư đầu năm	30.286.414.827	18.582.166.980
Dự phòng trích lập trong năm	-	11.704.247.847
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(5.748.549.551)	-
Số dư cuối năm	24.537.865.276	30.286.414.827



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu về cho vay dài hạn

	30/9/2020 VND	1/10/2019 VND
Phải thu về cho vay từ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái – công ty con (*)	167.286.721.457	59.386.721.457
Phải thu về cho vay từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long – công ty con (**)	45.569.284.900	9.569.295.900
	<u>212.856.006.357</u>	<u>68.956.017.357</u>

(*) Khoản cho vay này không được đảm bảo, có kỳ hạn gốc 24 tháng và hưởng lãi suất năm là 8% (1/10/2019: 8%).

(**) Khoản cho vay này không được đảm bảo, có kỳ hạn gốc 24 tháng và hưởng lãi suất năm là 8% (1/10/2019: 9%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	484.279.957.658	2.575.795.898.450	251.837.862.111	57.636.709.093	20.737.819.422	3.390.288.246.734
Tăng trong năm	126.395.074	4.945.837.257	2.093.459.843	102.500.000	-	7.268.192.174
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	13.622.091.648	667.335.340	-	-	14.289.426.988
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	-	34.811.956.367	18.636.363.636	-	53.448.320.003
Phân loại từ chi phí trả trước dài hạn	-	535.510.031	-	-	-	535.510.031
Thanh lý	-	(20.124.689.318)	(2.196.974.581)	-	-	(22.321.663.899)
Xóa sổ	-	(50.872.318.257)	(370.000.000)	-	-	(51.242.318.257)
Số dư cuối năm	484.406.352.732	2.523.902.329.811	286.843.639.080	76.375.572.729	20.737.819.422	3.392.265.713.774
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	254.739.126.634	1.518.960.079.406	131.013.517.954	24.659.691.544	19.040.191.328	1.948.412.606.866
Khấu hao trong năm	24.143.868.214	263.677.388.903	32.966.320.452	7.771.954.016	297.810.031	328.857.341.616
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	-	9.510.927.432	3.865.326.067	-	13.376.253.499
Phân loại từ chi phí trả trước dài hạn	-	371.881.966	-	-	-	371.881.966
Thanh lý	-	(2.382.182.431)	(1.022.639.372)	-	-	(3.404.821.803)
Xóa sổ	-	(42.441.116.874)	(370.000.000)	-	-	(42.811.116.874)
Số dư cuối năm	278.882.994.848	1.738.186.050.970	172.098.126.466	36.296.971.627	19.338.001.359	2.244.802.145.270
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	229.540.831.024	1.056.835.819.044	120.824.344.157	32.977.017.549	1.697.628.094	1.441.875.639.868
Số dư cuối năm	205.523.357.884	785.716.278.841	114.745.512.614	40.078.601.102	1.399.818.063	1.147.463.568.504

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 727.763 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 (1/10/2019: 420.590 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 395.303 triệu VND (1/10/2019: 356.980 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 23).

12. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	13.389.448.333	44.371.956.367	18.636.363.636	76.397.768.336
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(34.811.956.367)	(18.636.363.636)	(53.448.320.003)
Số dư cuối năm	13.389.448.333	9.560.000.000	-	22.949.448.333
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	786.263.125	8.229.403.061	2.072.976.338	11.088.642.524
Khấu hao trong năm	1.793.662.756	3.099.865.781	1.792.349.729	6.685.878.266
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(9.510.927.432)	(3.865.326.067)	(13.376.253.499)
Số dư cuối năm	2.579.925.881	1.818.341.410	-	4.398.267.291
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	12.603.185.208	36.142.553.306	16.563.387.298	65.309.125.812
Số dư cuối năm	10.809.522.452	7.741.658.590	-	18.551.181.042

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	213.476.409.765	46.123.095.545	259.599.505.310
Tăng trong năm	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Thanh lý	(12.685.000.000)	-	(12.685.000.000)
Xóa sổ	-	(1.344.757.711)	(1.344.757.711)
Số dư cuối năm	200.791.409.765	47.778.337.834	248.569.747.599
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	26.355.380.530	15.133.577.835	41.488.958.365
Khấu hao trong năm	2.553.074.427	7.884.172.669	10.437.247.096
Xóa sổ	-	(1.344.757.711)	(1.344.757.711)
Số dư cuối năm	28.908.454.957	21.672.992.793	50.581.447.750
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	187.121.029.235	30.989.517.710	218.110.546.945
Số dư cuối năm	171.882.954.808	26.105.345.041	197.988.299.849

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 456 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 (1/10/2019: 1.801 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 77.916 triệu VND (1/10/2019: 82.378 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 23).

14. Xây dựng cơ bản dở dang

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/9/2020 VND	1/10/2019 VND
Máy móc, thiết bị chờ lắp đặt	457.602.000	12.381.694.368
Chi phí xây dựng	1.472.949.719	1.472.949.719
Các công trình khác	3.407.860.464	2.633.141.334
	5.338.412.183	16.487.785.421

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2020 VND	30/9/2019 VND
Số dư đầu năm	16.487.785.421	28.307.339.690
Tăng trong năm	8.165.030.780	35.426.731.027
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(14.289.426.988)	(35.600.067.512)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(3.150.626.219)	(11.170.150.833)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(1.874.350.811)	-
Thanh lý	-	(476.066.951)
Số dư cuối năm	5.338.412.183	16.487.785.421

15. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*****Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn***

	30/9/2020 VND	1/10/2019 VND
Tiền gửi có kỳ hạn	-	75.750.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và dưới 12 tháng kể từ ngày cuối kỳ. Tại ngày 1 tháng 10 năm 2019, tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 5,5% đến 6,4%.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn**

	30/9/2020 VND	1/10/2019 VND
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam phát hành (*)	15.000.000.000	15.000.000.000
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank phát hành (**)	1.000.000.000	1.000.000.000
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam phát hành (***)	5.000.000.000	-
	21.000.000.000	16.000.000.000

(*) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 10 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2% (1/10/2019: lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2%).

(**) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 7 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2% (1/10/2019: lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2%).

(***) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 6 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,25% tại ngày 30 tháng 9 năm 2020.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/9/2020			1/10/2019		
	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư vào các công ty con						
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	100%	1.100.000.000.000	-	100%	1.100.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	100%	770.000.000.000	-	100%	770.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	100%	280.000.000.000	-	100%	280.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	100%	250.000.000.000	-	100%	250.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	100%	200.000.000.000	-	100%	200.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	100%	150.000.000.000	-	100%	150.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	100%	105.000.000.000	-	100%	105.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	95%	114.000.000.000	-	95%	114.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	100%	50.000.000.000	-	100%	50.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận (i)	-	-	-	100%	15.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận (ii)	-	-	-	100%	4.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận (ii)	-	-	-	100%	6.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận (i)	-	-	-	100%	-	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Xi măng Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận (i)	-	-	-	100%	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	30/9/2020			1/10/2019		
	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn (i)	-	-	-	99%	61.380.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long	95%	32.965.000.000	-	95%	32.965.000.000	-
		3.051.965.000.000	-		3.138.345.000.000	-
Đầu tư vào các công ty liên kết						
▪ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen (iii)	49%	-	-	49%	-	-
		3.051.965.000.000	-		3.138.345.000.000	-

(i) Vào ngày 27 tháng 7 năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen đã quyết định giải thể các công ty con là Công ty TNHH Một Thành Viên Xi măng Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận, Công ty TNHH Một Thành Viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận, Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận và Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn. Việc giải thể các công ty con này đã hoàn tất trước ngày 30 tháng 9 năm 2020.

(ii) Vào ngày 27 tháng 7 năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen đã quyết định chuyển nhượng các công ty con là Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận và Công ty TNHH Một Thành Viên Cảng Tổng Hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam. Việc chuyển nhượng các công ty con này đã hoàn tất trước ngày 30 tháng 9 năm 2020.

(iii) Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 3502399898 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 5 tháng 7 năm 2019, trong đó Công ty nắm giữ 49% quyền sở hữu. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/9/2020	1/10/2019
	VND	VND
Chi phí quảng cáo	24.829.641.795	17.509.179.783
Chi phí thuê	57.410.986.820	47.383.856.353
Công cụ và dụng cụ	13.454.533.851	3.702.503.887
Chi phí tư vấn	1.889.338.410	640.750.877
Chi phí sửa chữa	2.738.747.884	2.600.076.525
Phí bảo hiểm	668.137.829	324.931.858
Chi phí khác	2.301.982.218	5.914.132.821
	103.293.368.807	78.075.432.104

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/9/2020	1/10/2019
	VND	VND
Bảng hiệu quảng cáo	15.374.300.149	38.709.350.763
Công cụ và dụng cụ	9.342.376.906	34.804.243.610
Chi phí thuê	7.538.605.524	24.900.681.838
Chi phí sửa chữa	6.587.628.785	15.735.657.785
Chi phí khác	9.422.433.406	14.665.115.872
	48.265.344.770	128.815.049.868

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	128.815.049.868	207.352.425.398
Tăng trong năm	12.783.913.427	73.487.584.905
Chuyển (sang)/từ tài sản cố định hữu hình	(163.628.065)	743.974.195
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.150.626.219	11.170.150.833
Chuyển từ/(sang) chi phí trả trước ngắn hạn	240.769.417	(2.827.127.400)
Phân bổ trong năm	(96.551.161.921)	(152.233.598.531)
Thanh lý	(10.224.175)	(8.878.359.532)
Số dư cuối năm	48.265.344.770	128.815.049.868

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Thuế suất	30/9/2020 VND	1/10/2019 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:</i>			
▪ Chi phí phải trả	20%	21.325.730.550	8.387.596.988
▪ Các khoản dự phòng	20%	9.422.978.755	7.784.152.250
▪ Lợi nhuận chưa thực hiện	20%	9.005.492.476	3.843.101.926
▪ Chênh lệch tỷ giá	20%	-	559.610.798
▪ Khác	20%	-	525.876.345
		39.754.201.781	21.100.338.307

18. Phải trả người bán**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 30/9/2020 VND	1/10/2019 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhom Hội - Bình Định	331.558.978.673	237.095.129.919
Nippon Steel Trading Corporation	303.482.841.213	56.854.815.173
Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	296.702.697.996	22.869.689.975
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	276.882.578.172	154.131.223.375
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	200.540.364.464	147.286.762.472
Các nhà cung cấp khác	614.748.208.304	752.400.229.876
	2.023.915.668.822	1.370.637.850.790

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 30/9/2020 VND	1/10/2019 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	331.558.978.673	237.095.129.919
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	276.882.578.172	154.131.223.375
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	200.540.364.464	147.286.762.472
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	71.677.939.985	48.550.683.122
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	4.622.401.585	3.833.634.483
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	1.892.022	24.421.594

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 365 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn đối với các công ty con và 45 ngày đối với các khoản phải trả công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty.

19. Người mua trả tiền trước

	30/9/2020 VND	1/10/2019 VND
Aceros Y Overrollings De Mexico S.A. De C.V.	18.179.700.000	-
Các khách hàng khác	170.818.983.777	84.802.615.349
	188.998.683.777	84.802.615.349

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Thuế phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/10/2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cần trừ VND	Phân loại lại VND	30/9/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	58.864.807.073	4.739.667.503.097	(954.788.582.634)	(3.695.815.944.859)	(1.323.542.817)	146.604.239.860
Thuế xuất nhập khẩu	78.347.372	1.891.721.468	(1.513.879.708)	-	-	456.189.132
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	172.226.511.967	(110.417.388.642)	-	(4.903.381.103)	56.905.742.222
Thuế thu nhập cá nhân	2.553.657.854	19.279.894.528	(19.322.473.137)	-	(2.640.967)	2.508.438.278
Các loại thuế khác	77.148.350	1.764.458.204	(1.749.541.894)	-	-	92.064.660
	61.573.960.649	4.934.830.089.264	(1.087.791.866.015)	(3.695.815.944.859)	(6.229.564.887)	206.566.674.152

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/10/2019 VND	Số phát sinh trong năm VND	Phân loại lại VND	30/9/2020 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.903.381.103	-	(4.903.381.103)	-
Các loại thuế khác	2.640.967	3.000.000	(2.640.967)	3.000.000
	4.906.022.070	3.000.000	(4.906.022.070)	3.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Chi phí phải trả**

	30/9/2020 VND	1/10/2019 VND
Chi phí lương và thưởng	304.695.782.083	16.336.050.500
Chi phí lãi vay	3.926.078.445	5.858.296.537
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	696.000.000	3.605.600.000
Chi phí vận chuyển	115.044.561	-
Chi phí tiền điện	27.883.576	9.305.207
Chi phí dự phòng thuế	-	66.411.611.469
Chi phí khác	8.482.468.933	141.894.420
	317.943.257.598	92.362.758.133

22. Phải trả ngắn hạn khác

	30/9/2020 VND	1/10/2019 VND
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu phải trả	142.966.821.833	109.826.375.736
Tài trợ nhập khẩu phải trả (*)	155.578.117.585	123.526.267.272
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.597.080.065	5.642.499.933
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	932.699.080	797.311.160
Lãi vay phải trả	-	4.020.304.109
Cổ tức phải trả	4.247.322.425	4.269.621.525
Phải trả khác	12.753.497.533	7.538.667.713
	326.075.538.521	255.621.047.448

- (*) Tài trợ nhập khẩu phải trả là số tiền phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS L/C) cung cấp bởi Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi Nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi Nhánh Bến Thành (1/10/2019: cung cấp bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương) với kỳ hạn trả chậm từ 90 đến 120 ngày. Nếu đến ngày đáo hạn, Công ty không có đủ nguồn thanh toán, các khoản tiền này sẽ tự chuyển đổi thành khoản vay.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)****Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan***

	30/9/2020	1/10/2019
	VND	VND
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	26.498.450	-
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	-	4.020.304.109
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	-	21.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	-	19.500.000
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	-	320.000.000

Khoản phải trả khác cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/10/2019		Biến động trong năm		30/9/2020	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	5.668.706.946.394	20.593.501.692.686	(21.209.337.114.736)	5.507.951.837	5.058.379.476.181	
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	21.781.600.000	20.000.000.000	(21.781.600.000)	-	20.000.000.000	
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (c)	15.786.966.112	9.255.815.664	(19.938.216.112)	-	5.104.565.664	
	5.706.275.512.506	20.622.757.508.350	(21.251.056.930.848)	5.507.951.837	5.083.484.041.845	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay

Bên thứ ba

- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh
- Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
- Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam
- Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam
- Ngân hàng Malayan Banking Berhad Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
- Ngân hàng Malayan Banking Berhad Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
- Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
- Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Trung Tâm
- Ngân Hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
- Ngân Hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Bên liên quan

- Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn – công ty con

Thuyết minh	Loại tiền	30/9/2020 VND	1/10/2019 VND
(i)	VND	1.171.017.687.810	1.994.915.518.201
(i)	USD	531.104.907.733	129.916.416.765
(ii)	VND	947.943.944.130	1.567.097.214.485
(ii)	USD	413.037.687.997	54.253.608.247
(iii)	VND	-	395.058.324.455
(iii)	VND	472.377.287.783	252.269.997.400
(iii)	USD	99.439.545.965	-
(iv)	VND	608.438.856.420	589.496.289.578
(v)	USD	213.385.900.000	299.706.629.722
(vi)	VND	32.300.000.000	132.961.671.917
(vii)	VND	101.516.310.719	114.584.761.996
(vii)	USD	57.085.000.000	-
(viii)	VND	42.323.443.406	-
(viii)	USD	46.084.500.000	85.446.513.628
(ix)	VND	97.147.784.400	-
(x)	VND	50.000.000.000	-
(xi)	VND	19.942.608.592	-
(xi)	USD	155.234.011.226	-
(xii)	VND	-	53.000.000.000
		5.058.379.476.181	5.668.706.946.394

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	Lãi suất 30/9/2020	Lãi suất 1/10/2019	Tài sản đảm bảo
Bên thứ ba					
i. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	VND USD	3.000 tỷ VND	4,50% - 4,90%	5,50% - 6,30%	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và phải thu của khách hàng
ii. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	VND USD	1.697 tỷ VND	4,50% - 5,00%	6,20%	Quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị và hàng tồn kho
iii. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	VND USD	1.500 tỷ VND	- 4,20% - 4,50%	6,00% 6,00%	Hàng tồn kho và trái phiếu của Công ty; máy móc và thiết bị và một phần công trình xây dựng trên đất của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An, công ty con
iv. Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	40 triệu USD	4,10% - 4,90%	5,80% - 6,15%	Hàng tồn kho, máy móc và thiết bị, quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất và một số tài sản cố định của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định, công ty con
v. Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	USD	800 tỷ VND	1,80%	4,20%	Không có tài sản đảm bảo
vi. Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND	3 triệu USD	5,00%	5,90%	Không có tài sản đảm bảo
vii. Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	VND USD	12 triệu USD	4,00% - 4,20%	5,90% - 6,19%	Hàng tồn kho
viii. Ngân hàng Malaysian Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND USD	4 triệu USD	4,10% - 4,70%	- 4,20%	Hàng tồn kho

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	Lãi suất 30/9/2020	1/10/2019	Tài sản đảm bảo
Bên thứ ba					
ix. Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND	195 tỷ VND	4,50%		- Không có tài sản đảm bảo
x. Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi Nhánh Trung Tâm	VND	1.000 tỷ VND	5,00%		- Quyền sử dụng đất và phải thu của khách hàng
xí. Ngân Hàng TNHH CTBC - Chi Nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND USD	8 triệu USD	3,80% - 4,00% 1,80% - 1,85%		- Không có tài sản đảm bảo -
Bên liên quan					
xii. Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn - một công ty con	VND	-	5,50%	5,50%	Không có tài sản đảm bảo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	30/9/2020 VND	1/10/2019 VND
Vay dài hạn	32.094.315.280	53.875.915.280
Nợ thuê tài chính dài hạn (c)	10.027.814.809	30.888.530.921
	42.122.130.089	84.764.446.201
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(25.104.565.664)	(37.568.566.112)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	17.017.564.425	47.195.880.089

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/9/2020 VND	1/10/2019 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(i)	VND	2022	32.094.315.280	52.094.315.280
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	(ii)	VND	2020	-	1.781.600.000
				32.094.315.280	53.875.915.280

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng đảm bảo quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị, hàng tồn kho của Công ty và một số tài sản cố định của Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen, công ty con và chịu lãi suất năm là 8,5% (1/10/2019: 8%).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải và chịu lãi suất năm là 10,1% (1/10/2019: từ 9,5% đến 10,1%). Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.

Công ty sử dụng các khoản vay dài hạn nhằm mục đích xây dựng và mua sắm tài sản cố định.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/9/2020		1/10/2019	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND
Trong vòng một năm	5.762.851.279	658.285.615	17.753.172.825	1.966.206.713
Trong vòng hai đến năm năm	5.147.734.966	224.485.821	16.277.518.116	1.175.953.307
	10.910.586.245	882.771.436	34.030.690.941	3.142.160.020
				30.888.530.921

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2020 VND	30/9/2019 VND
Số dư đầu năm	44.902.799.431	41.477.023.767
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	3.613.521.330	4.092.340.379
Hoàn nhập quỹ chưa sử dụng hết từ chi phí phải trả của năm trước	-	1.702.655.525
Sử dụng quỹ trong năm	(5.453.625.100)	(2.369.220.240)
Số dư cuối năm	43.062.695.661	44.902.799.431

25. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc.

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2020 VND	30/9/2019 VND
Số dư đầu năm	2.473.036.500	2.841.850.750
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm	7.144.308.166	(368.814.250)
Số dư cuối năm	9.617.344.666	2.473.036.500

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2018	3.849.903.280.000	151.583.183.521	(1.343.000.000)	60.509.750.556	1.323.418.124.868	5.384.071.338.945
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	611.107.359.723	611.107.359.723
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức (*)	384.791.610.000	-	-	-	(384.791.610.000)	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(1.116.000.000)	-	-	(1.116.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.092.340.379)	(4.092.340.379)
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	6.138.510.569	(6.138.510.569)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(11.021.590.990)	-	(11.021.590.990)
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2019	4.234.694.890.000	151.583.183.521	(2.459.000.000)	55.626.670.135	1.539.503.023.643	5.978.948.767.299
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.075.585.099.435	1.075.585.099.435
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức (*)	211.557.240.000	-	-	-	(211.557.240.000)	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(812.000.000)	-	-	(812.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.613.521.330)	(3.613.521.330)
Phân bổ vào quỹ (**)	-	-	-	5.420.281.995	(5.420.281.995)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(25.511.170.306)	-	(25.511.170.306)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2020	4.446.252.130.000	151.583.183.521	(3.271.000.000)	35.535.781.824	2.394.497.079.753	7.024.597.175.098

(*) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 29 tháng 4 năm 2020, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ nguồn cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức. Tổng số cổ phiếu đã phát hành là 21.155.724 cổ phiếu với mệnh giá 10.000/cổ phiếu.

(**) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 17 tháng 12 năm 2019, Công ty đã trích lập 1,5% từ lợi nhuận thuần sau thuế hợp nhất vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu nhằm mục đích bổ sung thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị (năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019: 1,5%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/9/2020		1/10/2019	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	444.625.213	4.446.252.130.000	423.469.489	4.234.694.890.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	327.100	3.271.000.000	245.900	2.459.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	444.298.113	4.442.981.130.000	423.223.589	4.232.235.890.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động của vốn cổ phần trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày			
	30/9/2020		30/9/2019	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	423.223.589	4.232.235.890.000	384.856.028	3.848.560.280.000
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức	21.155.724	211.557.240.000	38.479.161	384.791.610.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(81.200)	(812.000.000)	(111.600)	(1.116.000.000)
Số dư cuối năm	444.298.113	4.442.981.130.000	423.223.589	4.232.235.890.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/9/2020 VND	1/10/2019 VND
Trong vòng một năm	170.013.489.423	168.318.890.487
Trong vòng hai đến năm năm	660.219.684.543	667.739.890.987
Trên năm năm	516.622.301.356	669.893.009.734
	1.346.855.475.322	1.505.951.791.208

(b) Ngoại tệ các loại

	30/9/2020		1/10/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	7.357.873	169.929.938.524	1.014.396	23.480.155.726
EUR	909	24.288.480	-	-
		169.954.227.004		23.480.155.726

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt chủ yếu liên quan đến việc mua sắm các máy móc mới phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty:

	30/9/2020 VND	1/10/2019 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	2.076.133.500



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	30.465.484.254.551	28.574.191.796.022
▪ Bán thành phẩm	14.607.097.600.014	16.174.770.949.499
▪ Khác	31.230.845.169	46.890.170.981
	45.103.812.699.734	44.795.852.916.502
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	131.553.521.310	5.993.686.605
▪ Hàng bán bị trả lại	13.932.986.623	10.758.092.293
▪ Giảm giá hàng bán	5.467.161.772	9.063.266.406
	150.953.669.705	25.815.045.304
Doanh thu thuần	44.952.859.030.029	44.770.037.871.198

30. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hóa đã bán	29.434.405.085.489	27.843.567.769.023
▪ Thành phẩm đã bán	12.699.699.279.794	14.650.169.394.905
▪ Khác	1.663.957.660	3.763.919.993
▪ (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm	(5.748.549.551)	11.704.247.847
	42.130.019.773.392	42.509.205.331.768

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	18.345.348.908	9.558.369.470
Lợi nhuận được chia	797.433.902.081	336.196.144.385
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	66.952.739.760	54.435.161.194
	882.731.990.749	400.189.675.049

32. Chi phí tài chính

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	277.498.364.219	399.146.337.196
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	69.717.151.914	51.007.238.368
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.983.777.905	1.468.280.700
Lỗ từ thanh lý/giải thể công ty con	15.675.997.377	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	(13.445.353.316)
Chi phí tài chính khác	1.728.614.970	917.028.756
	372.603.906.385	439.093.531.704

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***33. Chi phí bán hàng**

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2020 VND	30/9/2019 VND
Chi phí nhân viên	771.493.515.517	465.422.257.831
Chi phí xuất khẩu	443.895.444.297	342.477.520.100
Chi phí thuê	155.050.248.876	149.742.260.035
Chi phí khấu hao và phân bổ	142.049.846.427	135.231.920.322
Chi phí quảng cáo	81.026.319.039	104.833.377.549
Chi phí vận chuyển	81.662.146.417	96.474.932.596
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.927.308.793	44.103.924.195
Chi phí khác	108.736.740.618	114.632.270.547
	1.838.841.569.984	1.452.918.463.175

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2020 VND	30/9/2019 VND
Chi phí nhân viên	179.784.051.475	103.024.437.567
Chi phí khấu hao và phân bổ	34.611.714.935	36.119.987.900
Chi phí thuê	16.402.898.529	28.462.957.764
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.645.319.225	37.493.678.386
Chi phí khác	5.716.573.889	106.720.657.188
	268.160.558.053	311.821.718.805

35. Thu nhập khác

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2020 VND	30/9/2019 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	142.372.592.965
Tiền bồi thường thu được	1.248.978.013	2.233.381.031
Các khoản khác	18.626.818.962	101.262.557.684
	19.875.796.975	245.868.531.680

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***36. Chi phí khác**

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2020 VND	30/9/2019 VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	10.944.854.184	-
Các khoản khác	5.738.407.827	4.540.253.461
	16.683.262.011	4.540.253.461

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2020 VND	30/9/2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	11.589.624.310.373	13.066.484.527.270
Chi phí nhân công và nhân viên	1.021.871.046.663	635.988.686.522
Chi phí khấu hao và phân bổ	345.980.466.978	351.886.248.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	914.520.089.821	821.162.641.453
Chi phí khác	486.221.772.732	614.699.782.838

38. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2020 VND	30/9/2019 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	158.373.188.664	86.459.077.071
Dự phòng thiếu những năm trước	13.853.323.303	-
	172.226.511.967	86.459.077.071
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(18.653.863.474)	950.342.220
	153.572.648.493	87.409.419.291

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2020 VND	30/9/2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.229.157.747.928	698.516.779.014
Thuế theo thuế suất của Công ty	245.831.549.586	139.703.355.803
Chi phí không được khấu trừ thuế	53.374.556.020	14.945.292.365
Thu nhập không bị tính thuế	(159.486.780.416)	(67.239.228.877)
Dự phòng thiếu hụt năm trước	13.853.323.303	-
	153.572.648.493	87.409.419.291

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2020 VND	30/9/2019 VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen		
Bán hàng hóa và thành phẩm	9.053.226.500.894	10.277.637.796.063
Mua hàng hóa và thành phẩm	9.531.890.292.386	11.771.372.054.729
Điều chuyển/bán tài sản cố định	11.701.050.819	205.664.635
Hàng bán bị trả lại	2.448.818.788	-
Trả lại hàng mua	-	297.325.320
Lợi nhuận được chia	12.308.639.166	8.123.622.505
Chi hộ	148.988.924.860	130.869.456.620
Bán khác	418.584.100	2.548.006.364
Mua khác	-	144.292.898

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Năm kết thúc ngày	
30/9/2020	30/9/2019
VND	VND

**Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng
Hoa Sen**

Bán hàng hóa và thành phẩm	3.484.402.690.237	4.564.914.020.422
Mua hàng hóa và thành phẩm	3.187.035.968.803	3.196.114.481.029
Bán tài sản cố định	18.181.818	4.771.478.579
Mua tài sản cố định	-	1.389.200.000
Doanh thu từ cho thuê tài sản	392.000.000	174.500.000
Chi phí thuê	1.336.599.965	258.946.015
Hàng bán bị trả lại	2.034.352.586	1.562.510.453
Lợi nhuận được chia	232.536.770.069	105.647.612.793
Bán khác	115.348.483	231.231.823
Mua khác	3.570.000	-
Trả lại hàng mua/hàng mua được giảm giá	42.509.017	607.336.952

Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định

Bán hàng hóa và thành phẩm	3.508.899.196	4.131.136.670
Mua hàng hóa và thành phẩm	1.529.863.165.679	1.488.664.532.969
Lợi nhuận được chia	35.488.493.426	6.627.350.999
Bán tài sản cố định	-	10.000.000
Mua khác	10.576.607	-
Hàng mua được giảm giá	21.358.572	-

Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An

Bán hàng hóa và thành phẩm	5.905.022.432.009	4.375.691.067.150
Mua hàng hóa và thành phẩm	5.478.697.620.076	4.983.188.835.106
Bán tài sản cố định	86.129.750	1.156.685.588
Mua tài sản cố định	53.217.000	1.138.870.440
Hàng bán bị trả lại	251.224.373	-
Trả lại hàng mua	2.700.349.416	4.851.635.477
Hàng mua được giảm giá	134.905.155	251.036.621
Chi phí thuê	404.139.768	372.111.833
Lợi nhuận được chia	514.874.175.062	215.594.389.876
Chi phí gia công	90.057.765.739	-
Mua khác	5.675.194.349	-



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định		
Bán hàng hóa và thành phẩm	3.037.350.943.346	1.710.398.642.772
Mua hàng hóa và thành phẩm	2.498.747.115.421	1.518.416.136.050
Bán tài sản cố định	-	1.747.943.215
Hàng bán bị trả lại	89.818.330	275.373.509
Trả lại hàng mua	1.767.576.138	611.276.883
Hàng mua được giảm giá	15.178.182	2.272.727
Góp vốn	-	350.000.000.000
Chi phí gia công	40.363.221.505	-
Mua khác	741.525.153	-
Bán khác	76.110.897	68.053.769
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam		
Bán hàng hóa và thành phẩm	29.256.828.653	3.130.344.289
Mua hàng hóa và thành phẩm	551.390.640.670	833.780.298.039
Mua tài sản cố định	348.116.539	-
Hàng bán bị trả lại	-	71.190.100
Doanh thu từ cho thuê tài sản	241.200.000	323.000.000
Đi thuê hoạt động	216.000.000	78.000.000
Trả lại hàng mua/hàng mua được giảm giá	50.822.590	190.175.121
Mua khác	47.299.914	-
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái		
Cho vay	114.900.000.000	22.700.000.000
Thu tiền cho vay	7.000.000.000	30.000.000.000
Thu nhập từ tiền lãi	11.771.972.342	4.583.178.812
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ		
Bán hàng hóa và thành phẩm	790.478.750.989	283.201.838.656
Mua hàng hóa và thành phẩm	197.527.496.960	191.023.808.607
Đi thuê hoạt động	600.000.000	3.417.000.000
Hàng mua được giảm giá	122.727.272	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận		
Góp vốn	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận		
Góp vốn	29.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn		
Vay	-	53.000.000.000
Lãi vay	2.076.438.356	2.764.276.712

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2020 VND	30/9/2019 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long		
Cho vay	35.999.989.000	5.940.000.000
Thu nhập từ tiền lãi	1.606.428.245	562.772.324
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái		
Bán hàng hóa và thành phẩm	14.224.724	63.832.107
Mua hàng hóa và thành phẩm	260.209.760.755	241.520.896.612
Mua khác	77.271.455	-
Hàng mua được giảm giá	1.449.201	-
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen		
Bán hàng hóa và thành phẩm	1.742.673.278.315	2.222.110.174.059
Mua hàng hóa và thành phẩm	-	459.762.175.044
Bán tài sản cố định	-	32.476.307.578
Mua tài sản cố định	-	202.978.077.818
Chiết khấu thương mại	29.577.829.265	-
Hàng bán bị trả lại	4.172.697.261	2.098.483.579
Doanh thu từ cho thuê tài sản	3.149.312.901	4.198.466.388
Chi phí vận chuyển	27.137.418.326	41.633.162.447
Dịch vụ gia công	-	910.242.733
Bán khác	313.695.826	1.138.936.694
Mua khác	14.166.773.152	-
Chi phí thuê hoạt động	8.897.850.106	4.486.071.500
Giảm giá hàng bán	154.727.273	21.245.500
Các bên liên quan khác		
Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	12.502.574.352	12.037.488.915
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao	2.340.000.000	2.340.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***40. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính**

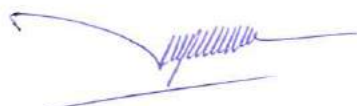
	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Cần trừ công nợ phải trả và lợi nhuận được chia	335.992.976.173	358.595.270.456
Cần trừ khoản vay ngắn hạn và khoản đầu tư vào công ty con	53.000.000.000	-
Cần trừ công nợ phải trả và khoản đầu tư vào công ty con	20.696.742.465	-
Cần trừ lãi vay phải trả và khoản phải thu khác	5.696.742.465	-
Chuyển đổi công nợ phải thu thành khoản đầu tư vào công ty con	-	405.377.723.185
Cần trừ phải thu từ bán tài sản và thu từ nợ gốc thuê tài chính	-	6.296.834.500

41. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 10 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020

Người lập

**Nguyễn Thị Thanh Tuyền**
Kế toán

Người duyệt

**Nguyễn Thị Ngọc Lan**
Kế toán trưởng**Trần Quốc Trí**
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2020

GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG CÔNG TY MẸ NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2019-2020

Kính gửi : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen trân trọng báo cáo và giải trình kết quả kinh doanh riêng Công ty mẹ NĐTC 2019-2020 như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĐTC 2019-2020 (từ 01/10/2019 đến 30/9/2020)	NĐTC 2018-2019 (từ 01/10/2018 đến 30/9/2019)	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)
1	Doanh thu thuần	44.952.859.030.029	44.770.037.871.198	182.821.158.831	0,4%
2	Giá vốn hàng bán	42.130.019.773.392	42.509.205.331.768	(379.185.558.376)	-1%
3	Lợi nhuận gộp	2.822.839.256.637	2.260.832.539.430	562.006.717.207	25%
4	Doanh thu tài chính	882.731.990.749	400.189.675.049	482.542.315.700	121%
5	Chi phí tài chính	372.603.906.385	439.093.531.704	(66.489.625.319)	-15%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>277.498.364.219</i>	<i>399.146.337.196</i>	<i>(121.647.972.977)</i>	<i>-30%</i>
6	Chi phí bán hàng	1.838.841.569.984	1.452.918.463.175	385.923.106.809	27%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	268.160.558.053	311.821.718.805	(43.661.160.752)	-14%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1.225.965.212.964	457.188.500.795	768.776.712.169	168%
9	Thu nhập khác	19.875.796.975	245.868.531.680	(225.992.734.705)	-92%
10	Chi phí khác	16.683.262.011	4.540.253.461	12.143.008.550	267%
11	Lợi nhuận khác	3.192.534.964	241.328.278.219	(238.135.743.255)	-99%
12	Lợi nhuận trước thuế	1.229.157.747.928	698.516.779.014	530.640.968.914	76%
13	Thuế TNDN hiện hành	172.226.511.967	86.459.077.071	85.767.434.896	99%
14	Thuế TNDN hoãn lại	-18.653.863.474	950.342.220	(19.604.205.694)	-
15	Lợi nhuận sau thuế	1.075.585.099.435	611.107.359.723	464.477.739.712	76%

Trong 2019-2020, lợi nhuận sau thuế riêng Công ty mẹ đạt 1.076 tỷ đồng, tăng 464 tỷ đồng, tương ứng tăng 76% so với cùng kỳ NĐTC 2018-2019. Nguyên nhân chính là do lợi nhuận gộp tăng 562 tỷ đồng do biên lợi nhuận gộp tăng và chi phí tài chính giảm 66 tỷ đồng do dư nợ vay ngân hàng giảm.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.



TRẦN QUỐC TRÍ

Nơi nhận:

- UBCKNN
- SGDCK TPHCM
- Lưu văn thư

